

UBND HUYỆN GIA LÂM
TRƯỜNG MẦM NON ĐÔNG DƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 245/QĐ-MNDD

Đông Dư, ngày 12 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Công khai về việc giao bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách
năm 2023 của Trường mầm non Đông Dư**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON ĐÔNG DƯ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 8188/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Gia Lâm về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi NSNN năm 2023 của huyện Gia Lâm;

Căn cứ Quyết định số 4125/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2023 của UBND huyện Gia Lâm về việc phân bổ giao bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2023. Theo đề nghị của bộ phận Văn phòng Trường mầm non Đông Dư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai bổ sung số liệu dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2023 của Trường mầm non Đông Dư (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Văn phòng, các tổ chuyên môn, cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường mầm non Đông Dư thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH;
- Ban TTND;
- Lưu: VT,KT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phương Anh

Đơn vị: Trường Mầm non Đông Dư
Chương: 622

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 24/QĐ-MNDD ngày 12/10/2023 của trường Mầm non Đông Dư)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
	Học phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Học phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	83,354,000
I	Nguồn ngân sách trong nước	83,354,000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	83,354,000
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	83,354,000
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

Đông Dư, ngày 12 tháng 10 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG
MẦM NON
ĐÔNG DƯ

Nguyễn Thị Phương Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4125/QĐ-UBND

Gia Lâm, ngày 06 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29/6/2023 của Chính phủ điều chỉnh mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng;

Căn cứ Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND thành phố Hà Nội: số 17/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2022-2023; số 18/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 quy định cơ chế hỗ trợ học phí đối với một số đối tượng trẻ em mầm non và học sinh phổ thông của thành phố Hà Nội năm học 2022-2023;

Căn cứ Quyết định số 8188/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND huyện Gia Lâm về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 của huyện Gia Lâm;

Theo đề nghị của các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện về việc đề nghị giao bổ sung kinh phí chi cải cách tiền lương và kinh phí chi thường xuyên năm 2023 và Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Gia Lâm tại Tờ trình số 66/TTr-TCKH ngày 05/10/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung kinh phí chi cải cách tiền lương năm 2023 và phân bổ kinh phí chi thường xuyên giao đầu năm tại Quyết định số 8188/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 để giao bổ sung cho các đơn vị, cụ thể như sau:

1. Bổ sung kinh phí cải cách tiền lương năm 2023 cho các đơn vị, số tiền 19.374.714.000 đồng để thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ.

2. Phân bổ kinh phí chi thường xuyên đã giao đầu năm tại Quyết định số 8188/QĐ-UBND ngày 16/12/2022, số tiền: 7.852.667.500 đồng để giao bổ sung cho các đơn vị.

- Kinh phí mục tiêu Thành phố cấp hỗ trợ phân chênh lệch học phí theo quy định và mức chênh lệch học phí thực tế học sinh phải nộp theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố: 7.639.070.000 đồng.

- Kinh phí ngân sách huyện thực hiện chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 213.597.500 đồng

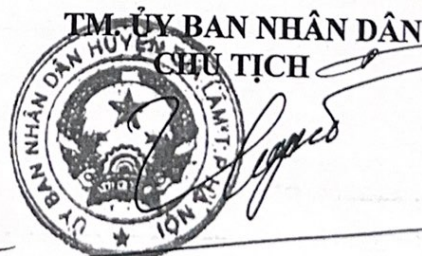
(Chi tiết Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Đơn vị được giao bổ sung kinh phí có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả và thực hiện thanh quyết toán theo Luật ngân sách nhà nước và các văn bản quy định hiện hành đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh văn phòng HĐND - UBND Huyện; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Gia Lâm, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại điều 1 và Trưởng các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT HU - TT HĐND - UBND huyện;
- Lưu: VT.



Đặng Thị Huyền

PHỤ LỤC SỐ 02
GIAO BỔ SUNG KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2023
 (Kèm theo Quyết định số 4125/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 của UBND huyện Gia Lâm)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Đơn vị/trường	Tổng kinh phí	Kinh phí hỗ trợ phần chênh lệch học phí theo quy định và mức chênh lệch học phí thực tế học sinh phải nộp theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND	Kinh phí hỗ trợ phần chênh lệch học phí theo quy định và mức chênh lệch học phí thực tế học sinh phải nộp theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND	Kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP
A	B	I=2+3+4	2	3	4
	Tổng cộng	7 852 667 500	7 628 040 000	11 030 000	213 597 500
I	Trung tâm GDNN - GDTX	210 150 000	200 160 000		9 990 000
II	Khối Mầm non	3 374 945 000	3 355 985 000	2 290 000	16 670 000
1	Trường MN Trâu Quỳ	260 935 000	260 935 000		
2	Trường MN Quang Trung	172 990 000	170 865 000		2 125 000
3	Trường MN TT Yên Viên	200 260 000	200 260 000		
4	Trường MN Ánh Dương	187 765 000	186 990 000		775 000
5	Trường MN Kiều Kỵ	104 710 000	103 485 000		1 225 000
6	Trường MN Văn Đức	96 537 500	95 990 000	120 000	427 500
7	Trường MN Kim Lan	77 740 000	77 740 000		
8	Trường MN Đa Tốn	170 115 000	169 440 000		675 000
9	Trường MN Phú Thị	96 230 000	96 230 000		
10	Trường MN Đông Dư	85 317 500	84 960 000	120 000	237 500
11	Trường MN Bát Tràng	114 145 000	112 120 000		2 025 000
12	Trường MN Hoa Phượng	84 280 000	84 280 000		
13	Trường MN Lệ Chi	132 267 500	131 835 000	95 000	337 500
14	Trường MN Dương Quang	137 820 000	137 820 000		
15	Trường MN Kim Sơn	137 657 500	136 340 000	380 000	937 500
16	Trường MN Dương Xá	128 800 000	125 795 000	215 000	2 790 000
17	Trường MN Đặng Xá	108 232 500	107 800 000	95 000	337 500
18	Trường MN Ánh Sao	107 760 000	107 760 000		
19	Trường MN Cổ Bi	109 065 000	109 065 000		
20	Trường MN Trung Mầu	68 225 000	65 745 000	380 000	2 100 000
21	Trường MN Phù Đồng	150 257 500	149 230 000	215 000	812 500
22	Trường MN Đình Xuyên	121 255 000	121 255 000		
23	Trường MN Dương Hà	77 195 000	76 830 000	215 000	150 000
24	Trường MN Ninh Hiệp	115 090 000	115 090 000		
25	Trường MN Bình Minh	97 650 000	97 650 000		
26	Trường MN Yên Thường	91 395 000	90 375 000	120 000	900 000
27	Trường MN Hoa Hồng	83 450 000	83 450 000		
28	Trường MN Hoa Sữa	57 800 000	56 650 000	335 000	815 000
III	Khối THCS	4 183 722 500	4 071 895 000	8 740 000	103 087 500
1	Trường THCS Trâu Quỳ	496 650 000	496 650 000		
2	Trường THCS TT Yên Viên	543 235 000	543 235 000		
3	Trường THCS Kiều Kỵ	168 775 000	162 995 000	380 000	5 400 000
4	Trường THCS Văn Đức	96 607 500	92 420 000	475 000	3 712 500
5	Trường THCS Kim Lan	64 195 000	64 195 000		
6	Trường THCS Đa Tốn	211 300 000	210 730 000	570 000	
7	Trường THCS Đông Dư	79 410 000	76 035 000		3 375 000
8	Trường THCS Bát Tràng	111 850 000	109 150 000		2 700 000
9	Trường THCS Đình Xuyên	107 200 000	101 945 000	380 000	4 875 000
10	Trường THCS Ninh Hiệp	252 300 000	250 030 000	95 000	2 175 000
11	Trường THCS Trung Mầu	70 630 000	67 265 000	665 000	2 700 000
12	Trường THCS Phù Đồng	191 387 500	167 730 000	1 045 000	22 612 500
13	Trường THCS Yên Thường	247 377 500	236 080 000	760 000	10 537 500
14	Trường THCS Yên Viên	94 017 500	88 990 000	190 000	4 837 500